

Đông Anh, ngày 09 tháng 11 năm 2021

Số:185/2021/QĐST-KDTM  
Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng”

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm thụ lý số 192/2021/TLST - KDTM ngày 26 tháng 07 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 01/11/2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa:**

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NNVPTNNVN(*sau đây gọi tắt là A*); Địa chỉ: Số 02 phố LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Giám đốc A Chi nhánh ĐA (*theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo - PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc A về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án*).

Đại diện ủy thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án: Ông Kim Anh C - Giám đốc Phòng giao dịch Vân Trì thuộc A Chi nhánh ĐA (*theo Quyết định ủy quyền lại số 716/QĐ-NHNoĐA-TH ngày 06/7/2021 của Giám đốc A Chi nhánh ĐA*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0118006488 của ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn H ngày 22/10/2010.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm 1975;

3.2. Cụ Nguyễn Thị B – Sinh năm 1935;

3.3. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1996;

Đều có Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Tính đến ngày 28/10/2021, ông Nguyễn Văn H còn nợ A tổng số tiền là 1.800.650.223 đồng (Một tỉ, tám trăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng, hai trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.159.310.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 598.202.656 đồng; Nợ lãi quá hạn: 43.137.567 đồng.

2. Ông Nguyễn Văn H trả nợ cho A theo lộ trình sau:

| Kỳ  | Thời gian trả nợ     | Số tiền trả nợ                                                                                              |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chậm nhất 25/11/2021 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 2.  | Chậm nhất 25/12/2021 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 3.  | Chậm nhất 25/01/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 4.  | Chậm nhất 25/02/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 5.  | Chậm nhất 25/03/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 6.  | Chậm nhất 25/04/2022 | 264.827.500 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai bảy nghìn, năm trăm đồng) được trừ vào tiền gốc. |
| 7.  | Chậm nhất 25/05/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 8.  | Chậm nhất 25/06/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 9.  | Chậm nhất 25/07/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 10. | Chậm nhất 25/08/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 11. | Chậm nhất 25/09/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 12. | Chậm nhất 25/10/2022 | 264.827.500 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai bảy nghìn, năm trăm đồng) được trừ vào tiền gốc. |
| 13. | Chậm nhất 25/11/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 14. | Chậm nhất 25/12/2022 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 15. | Chậm nhất 25/01/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 16. | Chậm nhất 25/02/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 17. | Chậm nhất 25/03/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                      |
| 18. | Chậm nhất 25/04/2023 | 264.827.500 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai bảy nghìn, năm trăm đồng) được trừ vào tiền gốc. |

|     |                      |                                                                                                                                          |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19. | Chậm nhất 25/05/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                                                   |
| 20. | Chậm nhất 25/06/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                                                   |
| 21. | Chậm nhất 25/07/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                                                   |
| 22. | Chậm nhất 25/08/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                                                   |
| 23. | Chậm nhất 25/09/2023 | 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được trừ vào tiền gốc.                                                                                   |
| 24. | Chậm nhất 25/10/2023 | 264.827.500 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai bảy nghìn, năm trăm đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả nợ. |

3. Kể từ ngày 29/10/2021, ông Nguyễn Văn H còn phải trả cho A (*cho đến khi trả hết nợ*) khoản lãi (*trên số nợ gốc*) theo mức theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký với A tại Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201502039 ngày 23/04/2015.

4. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H vi phạm thời gian trả nợ như đã thỏa thuận thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 8-VĐ, tọa lạc tại Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BI959655 của Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 22/3/2012*) để thu hồi nợ.

5. Án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H nộp 33.009.000đ (*ba mươi ba triệu, không trăm lẻ chín nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

+ Hoàn trả lại cho A 32.115.000 đồng (*ba mươi hai triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2020/0045513 ngày 23/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Ngô Minh Cường***